

# 2023 CHAU-SHI Series HWAN TAI Open



肇喜登峰巡迴賽-環台公開賽

第一 & 二回合編組表



## Grouping of Play for Rounds 1 & 2

地點：台中國際高爾夫俱樂部

上午場 Morning Session

112年8月29日(星期二)

TAICHUNG INTERNATIONAL COUNTRY CLUB

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee		
1	6:40	1	34	11:20	10	李卓全	TWN	12	6:40	1	23	11:20	丁子軒	TWN	
						洪瑞誠	TWN						林宸駒	TWN	
						林義淵	TWN						許育誠	TWN	
2	6:50	1	35	11:30	10	林晟毓	TWN	13	6:50	1	24	11:30	許孟男	TWN	
						蔡顯至	TWN						楊 豪	TWN	
						卓宗霖	TWN						瀨下 裕太 A	JPN	
3	7:00	1	36	11:40	10	溫楨祥	TWN	14	7:00	1	25	11:40	曾宏勝	TWN	
						柯志達	TWN						林大鎬	TWN	
						王璽安	TWN						余政諺	TWN	
4	7:10	1	37	11:50	10	葉 甫	TWN	15	7:10	1	26	11:50	高 藤	TWN	
						詹佳翰	TWN						林耕緯	TWN	
						林上予 A	TWN						劉又睿	TWN	
5	7:20	1	38	12:00	10	洪昭鑫	TWN	16	7:20	1	27	12:00	林文堂	TWN	
						邱瀚霆	TWN						廖煥鈞	TWN	
						陳瑋利 A	TWN						曾豐棟	TWN	
6	7:30	1	39	12:10	10	范姜皓詮	TWN	17	7:30	10	28	12:10	劉嚴鴻	TWN	
						范揚嘉	TWN						陳裔東	TWN	
						林新祐 A	TWN						劉澤森	TWN	
7	7:40	1	40	12:20	10	蔡雨達	TWN	18	7:40	1	29	12:20	黃議增	TWN	
						蔡宗佑	TWN						謝繼賢	TWN	
						黃仁杰 A	TWN						林冠伯	TWN	
8	7:50	1	41	12:30	10	呂文德52	TWN	19	7:50	1	30	12:30	宋孟璋	TWN	
						徐國雄	TWN						鄭岱霖	TWN	
						連驪森	TWN						辜柏雲	TWN	
9	8:00	1	42	12:40	10	蔡辰錯	TWN	20	8:00	1	31	12:40	謝東宏	TWN	
						王子銘	TWN						伴 翔太郎	USA	
						徐兆維 A	TWN						鄭念宗 A	TWN	
10	8:10	1	43	12:50	10	許佳紳	TWN	21	8:10	1	32	12:50	陳威勝	TWN	
						胡 克	TWN						陳伯豪	TWN	
						李啟宗	TWN						林楷傑 A	TWN	
11	8:20	1	44	13:00	10	黃祥豪	TWN	22	8:20	1	33	13:00	陳鳴悒	TWN	
						江以安	TWN						陳守成	TWN	
						楊昡然 A	TWN						許勝傑 A	TWN	

# 2023 CHAU-SHI Series HWAN TAI Open



肇喜登峰巡迴賽-環台公開賽

第一 & 二回合編組表



## Grouping of Play for Rounds 1 & 2

地點：台中國際高爾夫俱樂部

TAICHUNG INTERNATIONAL COUNTRY CLUB

下午場 Afternoon Session

112 年 8 月 29 日 (星期二)

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee		
23	11:20	1	12	6:40	10	翁永田	TWN	34	11:20	1	6:40	許立朋	TWN		
						林澄洋	TWN					張宇誠	TWN		
						潘福強	TWN					張庭嘉	TWN		
24	11:30	1	13	6:50	10	張耀濱	TWN	35	11:30	2	6:50	李士鴻	TWN		
						林 緯	TWN					何易叡	TWN		
						張奇偉	TWN					Zanieboy Gialon	PHI		
25	11:40	1	14	7:00	10	張哲瑜	TWN	36	11:40	3	7:00	謝錦昇	TWN		
						謝旻軒	TWN					許智傑	TWN		
						張建棋	TWN					Leandro Bagtas	PHI		
26	11:50	1	15	7:10	10	劉永華	TWN	37	11:50	4	7:10	蔣宸巒	TWN		
						曾子軒	TWN					林張恆	TWN		
						林為超	TWN					Ruperto Zaragosa III	PHI		
27	12:00	1	16	7:20	10	王宥崴	TWN	38	12:00	5	7:20	陳暉泓	TWN		
						李謹州	TWN					黃韋豪	TWN		
						林永龍	TWN					黃 頌	TWN		
28	12:10	1 東區	17	7:30	10 中區	汪德昌	TWN	39	12:10	6	7:30	陳志忠	TWN		
						楊浚頡	TWN					施俊宇	TWN		
						黃冠勳	TWN					林遠惟	TWN		
29	12:20	1	18	7:40	10	呂偉智	TWN	40	12:20	7	7:40	王士瑞	TWN		
						何勁宏	TWN					賴韋綸	TWN		
						沙比亞特·馬克	TWN					陳傑生	TWN		
30	12:30	1	19	7:50	10	葉昱辰	TWN	41	12:30	8	7:50	葉彰廷	TWN		
						鄭存宸	TWN					葉偉志	TWN		
						賴嘉一	TWN					許智凱	TWN		
31	12:40	1	20	8:00	10	洪健堯	TWN	42	12:40	9	8:00	何祐誠	TWN		
						陳志宏	TWN					陳宥蓁	TWN		
						林紹白 A	TWN					蔡勁陽 A	TWN		
32	12:50	1	21	8:10	10	詹世昌	TWN	43	12:50	10	8:10	呂孫儀	TWN		
						王偉軒	TWN					蔡啟煌	TWN		
						蔡凱任	TWN					林建雄 A	TWN		
33	13:00	1	22	8:20	10	李玠柏	TWN	44	13:00	11	8:20	周宏男	TWN		
						張緯綸	TWN					詹頂立	TWN		
						王偉祥	TWN					洪家煜	TWN		